

## BẢN TIN VỤ

### DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN

Lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng (tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn)  
(Từ 6/1/2021-31/5/2021)

#### I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

##### 1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa trong tháng (mm)	Lượng mưa lũy tích từ 1/6/2020 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Lượng mưa dự báo đến 31/5/2021
				TBNN	Năm 2019	Năm 2018	
A	Vùng Cao Bằng			<b>-16%</b>	<b>-23%</b>	<b>-29%</b>	
1	Cao Bằng	1	821	-23%	-36%	-35%	409
2	Nguyên Bình	12	1094	-17%	-14%	-23%	448
3	Trùng Khánh	2	1134	-6%	-20%	-29%	448
B	Lạng Sơn			<b>-23%</b>	<b>-8%</b>	<b>-41%</b>	
4	Bắc Sơn	9	940	-13%	-16%	-34%	424
5	Đình Lập	1	829	-26%	8%	-45%	396
6	Hữu Lũng	3	829	-8%	13%	-28%	384
7	Lạng Sơn	5	590	-40%	-25%	-56%	369
8	Thất Khê	8	766	-28%	-23%	-41%	423
	<b>Trung bình</b>						

##### Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích từ tháng 6/2020 đến nay vùng lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng: Lượng mưa lũy tích tại khu vực Lạng Sơn thấp hơn 10% so cùng kỳ năm 2019 và thấp hơn 20% với trung bình nhiều năm. Lượng mưa lũy tích tại khu vực Cao Bằng thấp hơn 20% so với cùng kỳ năm 2019 và thấp hơn 16% với trung bình nhiều năm

Lượng mưa dự báo từ 6/1/2021 đến 31/5/2021 đạt cao nhất khoảng 448mm vùng Cao Bằng và 424mm tại Lạng Sơn.

Tổng lượng mưa dự báo từ nay đến 31/5/2021 tại toàn vùng Cao Bằng, Lạng Sơn chiếm khoảng 80% so với tổng lượng mưa cùng kỳ trung bình nhiều năm. Tổng lượng mưa lũy tích trên toàn vùng đạt 90% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm.

##### 2. Nguồn nước tại các công trình thủy lợi

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	Dự kiến W trữ cuối T5/2021 (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Đánh giá
					2020	2019	2016	
1	Khuổi Lái	2,46	99,98	99,98	0,00	5,77	0,00	Tăng
2	Nà Tấu	1,79	79,99	100,00	-18,58	-18,58	0,00	Giảm
3	Bản Nưa	0,81	86,56	100,00	7,08	7,08	0,00	Tăng
4	Bản Viêt	3,08	46,59	100,00	-45,04	-45,04	0,00	Giảm
5	Khuổi Khoán	3,33	81,65	100,00				
6	Nà Cáy	4,31	100,00	100,00	0,07	0,07	0,16	Tăng
7	Tà Keo	12,88	41,55	100,00	-43,81	-43,81	-49,25	Giảm
8	Thâm Luông	0,97	18,24	65,45	-65,54	-65,54	-66,03	Giảm
9	Nà Tâm	1,91	11,12	23,71	-55,08	-55,08	-53,81	Giảm
10	Nà Chào	2,26	25,38	20,94	-41,23	-41,23	-21,17	Giảm
11	Phai Danh	2,13	72,50	99,77	-23,04	-23,04	-23,74	Giảm
12	Nà Pàn	0,82	10,36	70,64	-8,80	-8,80	-45,66	Giảm
13	Bản Chành	2,02	98,22	100,00	-1,78	-1,78	12,05	Giảm
14	Bản Chang	1,61	100,00	100,00	19,77	19,77		Tăng
	<b>Tổng</b>	<b>40,38</b>	<b>62,30</b>	<b>84,32</b>	<b>-21,23</b>	<b>-24,16</b>	<b>-20,62</b>	

### Nhận xét:

Tổng dung tích 14 hồ chứa đại diện của các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn thuộc lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng là: 40,38 triệu m<sup>3</sup>.

Dung tích trữ tại thời điểm hiện tại so với dung tích thiết kế trung bình đạt: 62,30%. Trong đó có 8 hồ: Khuổi Lái, Nà Tấu, Bản Nưa, Khuổi Khoán, Nà Cáy, Phai Danh, Bản Chành, Bản Chang có dung tích trữ cao đạt 72%- 100%; 3 hồ: Bản Viêt, Tà Keo xấp xỉ 50%, các hồ dung tích trữ thấp: Thâm Luông, Nà Tâm, Nà Chào, Nà Pàn.

Dự báo xu thế nguồn nước vụ Đông Xuân năm 2021, các hồ dự báo tăng so với cùng kỳ năm 2019: Khuổi Lái, Bản Nưa, Nà Cáy, Bản Chang; các hồ Nà Tấu, Bản Viêt, Tà Keo, Thâm Luông, Nà Tâm, Nà Chào, Phai Danh, Nà Pàn, Bản Chành giảm so với năm 2021.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

### 1. Các kịch bản hạn hán

#### ❖ Mục tiêu xây dựng kịch bản

Xây dựng được cơ sở dữ liệu nền về nguồn nước, tình hình sản xuất và thiệt hại, làm tham chiếu nhằm phục vụ công tác quản lý điều hành sản xuất nông nghiệp.

#### ❖ Phương pháp thực hiện: Dựa trên 2 nhóm yếu tố chính

(1) Nguồn nước (lượng mưa): Dựa vào (a) QĐ 44/2014/QĐ-TTg hướng dẫn về cấp độ rủi ro thiên tai; (b) “Qui định kỹ thuật về công tác dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch sử dụng nước phục vụ vận hành các hệ thống công trình thủy lợi”. Tổng cục Thủy lợi đang xây dựng.

(2) Dung tích trữ trong hồ chứa và tình hình sản xuất:

- Dung tích trữ trong các hồ chứa tại thời điểm xây dựng kịch bản;
- Diện tích sản xuất, ngừng hoặc chuyển đổi sản xuất (thống kê);
- Diện tích thiệt hại do thiếu nước (thống kê);

- Tình hình thực tế vận hành của hệ thống thủy lợi qua các năm.

❖ Các kịch bản tính toán phục vụ điều hành sản xuất

- Kịch bản nhiều nước (không hạn)
- Kịch bản trung bình (hạn nhẹ)
- Kịch bản ít nước (hạn trung bình)
- Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)

**1.1. Nguồn nước (lượng mưa):** Lựa chọn trạm Cao Bằng cho tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và trạm Lạng Sơn cho tỉnh Lạng Sơn làm đại diện tính toán xây dựng kịch bản nền trên lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng.

- Lượng mưa vụ Đông Xuân ứng với các tần suất 25%, 50%, 75%, 90% tại Cao Bằng, Bắc Kạn:

TT	P%	Đông Xuân
		X(mm)
1	25%	431
2	50%	320
3	75%	229
4	90%	165

- Lượng mưa vụ Đông Xuân ứng với các tần suất 25%, 50%, 75%, 90% tại Lạng Sơn:

TT	P%	Đông Xuân
		X(mm)
1	25%	444
2	50%	337
3	75%	248
4	90%	184

- Kịch bản hạn về nguồn nước tương ứng với các năm tại Cao Bằng, Bắc Kạn:

TT	Kịch Bản	Lượng mưa	Tần suất	Năm tương ứng
1	Kịch bản nhiều nước (không hạn)	> 431	Mưa (P<25%)	2000
2	Kịch bản nhiều nước trung bình (hạn nhẹ)	320 -431	Mưa (P=25%-50%)	2013
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	229 -320	Mưa (P=50%-75%)	2016
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	165 -229	Mưa (P=75%-90%)	2015
5	Kịch bản đặc biệt (hạn đặc biệt)	< 165	Mưa (P>90%)	-

- Kịch bản hạn về nguồn nước tương ứng với các năm tại Lạng Sơn:

TT	Kịch Bản	Lượng mưa	Tần suất	Năm tương ứng
1	Kịch bản nhiều nước (không hạn)	> 444	Mưa (P<25%)	2001
2	Kịch bản nhiều nước trung bình (hạn nhẹ)	337 -444	Mưa (P=25%-50%)	2014
3	Kịch bản ít nước (hạn vừa)	248 -337	Mưa (P=50%-75%)	2009
4	Kịch bản rất ít nước (hạn nặng)	184 -248	Mưa (P=75%-90%)	1984
5	Kịch bản đặc biệt (hạn đặc biệt)	< 184	Mưa (P>90%)	-

## 1.2. Dung tích trữ các hồ chứa và tình hình hạn hán

### a) Kịch bản hạn vùng sử dụng nước trong các hồ chứa thủy lợi

- Kịch bản hạn vùng sử dụng nước các hồ chứa thuộc tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn:

KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC		W hồ đầu vụ + W dự báo trong vụ SX (triệu m <sup>3</sup> )				
Lượng mưa trong vụ SX tại trạm Cao Bằng (mm)	<b>Đông Xuân</b>	13,6÷18,2	9,1÷13,6	4,5÷9,1	<4,5	<4,5
	> 431	Cấp 0	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
	320÷431	Cấp 0	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
	229÷320	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp III	Cấp IV
	165÷229	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp IV
<165	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp IV	Cấp IV	
<b>KỊCH BẢN THIẾT HẠI</b>						
<b>Vụ Đông Xuân_ Cao Bằng</b>		<b>Cấp 0</b>	<b>Cấp I</b>	<b>Cấp II</b>	<b>Cấp III</b>	<b>Cấp IV</b>
Năm tương ứng		2000	2013	2016	2015	-
Diện tích bố trí sản xuất (ha)		1.431	1.424	1.096	679	679
Khuyến cáo chuyển đổi, ngừng SX (ha)		0	7	335	752	752
<b>Vụ Đông Xuân_ Bắc Kạn</b>		<b>Cấp 0</b>	<b>Cấp I</b>	<b>Cấp II</b>	<b>Cấp III</b>	<b>Cấp IV</b>
Năm tương ứng		2000	2013	2016	2015	-
Diện tích bố trí sản xuất (ha)		936	936	752	283	283
Khuyến cáo chuyển đổi, ngừng SX (ha)		0	0	184	653	653

- Kịch bản hạn vùng sử dụng nước các hồ chứa thuộc tỉnh Lạng Sơn:

KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC		W hồ đầu vụ + W dự báo trong vụ SX (triệu m <sup>3</sup> )				
Lượng mưa trong vụ SX tại trạm Lạng Sơn (mm)	<b>Đông Xuân</b>	38,1÷50,8	25,4÷38,1	12,7÷25,4	<12,7	<12,7
	>444	Cấp 0	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
	337÷444	Cấp 0	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
	248÷337	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp III	Cấp IV
	184÷248	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp IV
<184	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp IV	Cấp IV	
<b>KỊCH BẢN THIẾT HẠI</b>						
<b>Vụ Đông Xuân</b>		<b>Cấp 0</b>	<b>Cấp I</b>	<b>Cấp II</b>	<b>Cấp III</b>	<b>Cấp IV</b>
Năm tương ứng		2001	2014	2009	1984	-
Diện tích bố trí sản xuất (ha)		4.890	4.571	3.495	2.246	2.246
Khuyến cáo chuyển đổi, ngừng SX (ha)		0	319	1.395	2.644	2.644

### b) Kịch bản hạn vùng ngoài công trình thủy lợi

- Kịch bản hạn vùng ngoài công trình thủy lợi thuộc tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn:

KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC		Lượng mưa cộng dồn đến trước vụ, trạm Cao Bằng (mm)				
Lượng mưa trong vụ SX tại trạm Cao Bằng (mm)	<b>Đông Xuân</b>	>1178	944÷1178	744÷944	591÷744	<591
	431	Cấp 0	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
	320	Cấp 0	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
	229	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp III	Cấp IV
	165	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp IV
<165	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp IV	Cấp IV	
<b>KỊCH BẢN THIẾT HẠI</b>						
<b>Vụ Đông Xuân_ Cao Bằng</b>		<b>Cấp 0</b>	<b>Cấp I</b>	<b>Cấp II</b>	<b>Cấp III</b>	<b>Cấp IV</b>
Năm tương ứng		2000	2013	2016	2015	-
Diện tích bố trí sản xuất (ha)		33.389	29.549	26.439	24.214	21.989

KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC	Lượng mưa cộng dồn đến trước vụ, trạm Cao Bằng (mm)				
	Khuyến cáo chuyển đổi, ngừng SX (ha)	0	3.840	6.950	9.175
<b>Vụ Đông Xuân_ Bắc Kạn</b>	<b>Cấp 0</b>	<b>Cấp I</b>	<b>Cấp II</b>	<b>Cấp III</b>	<b>Cấp IV</b>
Năm tương ứng	2000	2013	2016	2015	-
Diện tích bố trí sản xuất (ha)	1.636	1.448	1.296	1.187	1.078
Khuyến cáo chuyển đổi, ngừng SX (ha)	0	188	340	449	558

- *Kịch bản hạn vùng ngoài công trình thủy lợi thuộc tỉnh Lạng Sơn:*

KỊCH BẢN NGUỒN NƯỚC	Đông Xuân	Lượng mưa cộng dồn đến trước vụ, trạm Lạng Sơn (mm)				
		>1169	940÷1169	743÷940	591÷743	<591
Lượng mưa trong vụ SX tại trạm Lạng Sơn (mm)	444	Cấp 0	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
	337	Cấp 0	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV
	248	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp III	Cấp IV
	184	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp IV
	<184	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp IV	Cấp IV
<b>KỊCH BẢN THIẾT HẠI</b>						
<b>Vụ Đông Xuân_ Lạng Sơn</b>	<b>Cấp 0</b>	<b>Cấp I</b>	<b>Cấp II</b>	<b>Cấp III</b>	<b>Cấp IV</b>	
Năm tương ứng	2001	2014	2009	1984	-	
Diện tích bố trí sản xuất (ha)	15.292	13.617	12.238	11.229	9.914	
Khuyến cáo chuyển đổi, ngừng SX (ha)	0	1.675	3.054	4.063	5.378	

#### ❖ Nhận định vụ Đông Xuân năm 2020-2021:

Theo tính toán tại thời điểm ngày 26/11/2020:

- Về dung tích: Tổng dung tích thời điểm hiện tại của các hồ dự báo trong lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng đạt 22,88 triệu m<sup>3</sup> tương đương 62,30% so với dung tích thiết kế. Do vậy, đối với vùng có công trình điều tiết phụ trách sẽ nằm trong khoảng kịch bản nhiều nước trung bình (hạn nhẹ)

- Về lượng mưa:

Lượng mưa dự báo từ 6/1/2021 đến 31/5/2021 từ 409- 448mm tại Cao Bằng, Bắc Kạn và 369- 424 tại Lạng Sơn. Tổng lượng mưa dự báo từ nay đến 31/5/2021 tại toàn vùng Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn chiếm khoảng 80% so với tổng lượng mưa cùng kỳ trung bình nhiều năm. Tổng lượng mưa lũy tích trên toàn vùng đạt 90% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm.

Như vậy, đối với vùng nằm ngoài công trình, trong vụ Đông Xuân 2021, đối với Cao Bằng, Bắc Kạn có khả năng nằm trong kịch bản nhiều nước (không hạn) và Lạng Sơn khả năng nằm trong kịch bản nhiều nước trung bình (hạn nhẹ).

## 2. Nhu cầu sử dụng nước của các công trình thủy lợi

### a) Kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân

Toàn vùng vụ Đông xuân có hơn 48.960 đất canh tác trong đó diện tích lúa chiêm là 14.458ha, diện tích cây trồng khác là 34.503ha.

14 công trình đại diện với tổng diện tích canh tác là 3.007ha trong đó lúa chiêm là 1.632ha, cây trồng khác là 1.375ha.

TT	Huyện	Kế hoạch canh tác (ha)		
		Tổng cộng	Lúa Chiêm	Cây trồng khác
<b>I</b>	<b>Toàn vùng</b>	<b>48.960</b>	<b>14.458</b>	<b>34.503</b>
1	TP. Cao Bằng	753	698	55
2	H. Thông Nông	1.373	47	1.326
3	H. Hà Quảng	4.486	194	4.292
4	H. Trà Lĩnh	2.581	0	2.581
5	H. Trùng Khánh	4.540	0	4.540
6	H. Hạ Lang	2.095	345	1.750
7	H. Quảng Uyên	3.397	98	3.299
8	H. Phục Hòa	3.998	124	3.874
9	H. Hòa An	4.631	1.086	3.545
10	H. Thạch An	2.493	772	1.721
11	H. Nguyên Bình (16/20)	3.094	82	3.012
12	TP. Lạng Sơn	518	299	219
13	H. Tràng Định	2.208	1.800	408
14	H. Văn Lãng	1.266	1.104	162
15	H. Bình Gia	1.691	1.182	510
16	H. Bắc Sơn	415	304	111
17	H. Văn Quan	1.806	1.164	642
18	H. Cao Lộc	2.387	1.557	831
19	H. Lộc Bình (26/29)	2.631	1.793	838
20	H. Chi Lăng (4/21)	400	125	275
21	H. Đình Lập (5/12)	249	158	90
22	H. Na Rì	1.316	1.243	72
23	H. Chợ Mới (2/16)	327	252	75
24	H. Ngân Sơn (3/11)	304	30	274
<b>II</b>	<b>Các công trình đại diện</b>	<b>3.007</b>	<b>1.632</b>	<b>1.375</b>
1	Khuổi lái	221	169	52
2	Nà Tấu	220	220	0
3	Bản Nưa	114	0	114
4	Bản Viết	167	0	167
5	Nà Cáy	72	64	8
6	Tà Keo	560	493	67
7	Thâm Luông	127	127	0
8	Nà Tâm	106	80	26
9	Nà Chào	198	172	26
10	Phai Danh	103	101	2
11	Nà Pàn	101	97	4
12	Bản Chành	114	82	32
13	Bản Chang	120	0	120
14	HTTL Hồng Đại	786	27	759

**b) Nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất vụ Đông xuân**

- Tổng nhu cầu nước của 14 công trình trong 6 tháng 1, 2, 3, 4, 5, 6 là: 19,22 triệu m<sup>3</sup>, lượng nước dùng cao nhất là vào tháng 3 (6,38 triệu m<sup>3</sup>).

- Nguồn nước trữ ở các hồ chứa trong lưu vực thời điểm hiện tại đạt 62,30% dung tích trữ thiết kế trong đó có 2 hồ đầy nước.

TT	Tên công trình	Trước vụ	T1	T2	T3	T4	T5	T6	Tổng
1	Khuổi Lái	0,00	0,00	0,06	0,47	0,48	0,32	0,04	<b>1,38</b>
2	Nà Tấu	0,00	0,00	0,08	0,61	0,57	0,37	0,05	<b>1,69</b>
3	Bản Nưa	0,00	0,00	0,01	0,01	0,09	0,08	0,00	<b>0,18</b>
4	Bản Viết	0,00	0,00	0,01	0,01	0,15	0,14	0,00	<b>0,32</b>
5	Khuổi Khoán	0,00	0,00	0,15	1,12	1,08	0,71	0,10	<b>3,15</b>
6	Nà Cáy	0,00	0,00	0,03	0,25	0,18	0,15	0,04	<b>0,65</b>
7	Tà Keo	0,00	0,00	0,22	1,90	1,37	1,20	0,32	<b>5,01</b>
8	Thâm Luông	0,00	0,00	0,04	0,32	0,26	0,18	0,03	<b>0,83</b>
9	Nà Tâm	0,00	0,00	0,04	0,31	0,24	0,21	0,05	<b>0,85</b>
10	Nà Chào	0,00	0,00	0,08	0,66	0,48	0,42	0,11	<b>1,76</b>
11	Phai Danh	0,00	0,00	0,04	0,26	0,21	0,14	0,02	<b>0,67</b>
12	Nà Pàn	0,00	0,00	0,01	0,01	0,09	0,09	0,00	<b>0,20</b>
13	Bản Chành	0,00	0,00	0,04	0,32	0,26	0,22	0,05	<b>0,90</b>
14	Bản Chang	0,00	0,00	0,01	0,01	0,09	0,09	0,00	<b>0,20</b>
15	HTTL Hồng Đại	0,00	0,00	0,05	0,11	0,65	0,61	0,02	<b>1,44</b>
	<b>Tổng</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>	<b>0,85</b>	<b>6,38</b>	<b>6,21</b>	<b>4,94</b>	<b>0,85</b>	<b>19,22</b>

### 3. Khả năng cấp nước của các công trình thủy lợi

TT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2021			Ghi chú
				Dung tích cuối vụ so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Khuổi Lái	99,98	221	100	100	221	Đủ nước
2	Nà Tấu	100,00	220	100	100	220	Đủ nước
3	Bản Nưa	96,91	114	100	100	114	Đủ nước
4	Bản Viết	72,40	167	100	100	167	Đủ nước
5	Nà Cáy	100,00	72	100	100	72	Đủ nước
6	Tà Keo	58,59	560	100	100	560	Đủ nước
7	Thâm Luông	69,96	127	64	100	127	Đủ nước
8	Nà Tâm	27,59	106	54	100	106	Đủ nước
9	Nà Chào	36,88	198	20	100	198	Đủ nước
10	Phai Danh	76,49	103	100	100	103	Đủ nước
11	Nà Pàn	39,33	101	73	100	101	Đủ nước
12	Bản Chành	100,00	114	100	100	114	Đủ nước
13	Bản Chang	100,00	120	100	100	120	Đủ nước
14	HTTL Hồng Đại		786		100	786	Đủ nước

Trong lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng có 13 công trình hồ chứa và 1 HTTL được đưa vào tính toán cân bằng nước với tổng dung tích hữu ích thiết kế của 14 hồ là 40,38 triệu m<sup>3</sup>. Hiện tại, hầu hết các hồ chứa tính toán trong lưu vực đều tích trên 72%- 100% so với dung tích trữ thiết kế (trừ hồ Bản Viết 46,59%, hồ Tà Keo 41,55%, hồ Thâm Luông 18,24%, hồ Nà Tâm 11,12%, hồ Nà Chào 25,38%, hồ Nà Pàn 10,36%) trong khi tổng nhu cầu dùng nước đến hết vụ tháng 6 là 19,22 triệu m<sup>3</sup> nên về nguồn nước trong các hồ cơ bản đáp ứng nhu cầu cấp nước. Các hồ cần sử dụng nước tiết kiệm, tăng cường tích trữ, giảm thiểu thất thoát để đảm bảo cung cấp nước cho vụ Đông xuân năm 2020- 2021 nhất là các hồ có dung tích trữ dự báo đến cuối vụ <50% dung tích trữ thiết kế như: Bản Viết, Tà Keo, Thâm Luông, Nà Tâm, Nà Chào, Nà Pàn.

#### 4. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)		
				Năm Min	TBNN	Năm Max
<b>A</b>	<b>Vùng Cao Bằng</b>			<b>37%</b>	<b>-11%</b>	<b>-40%</b>
1	Cao Bằng	Cao Bằng	1231	46%	-15%	-43%
2	Nguyên Bình	Cao Bằng	1542	19%	-13%	-41%
3	Trùng Khánh	Cao Bằng	1582	46%	-6%	-36%
<b>B</b>	<b>Lạng Sơn</b>			<b>40%</b>	<b>-18%</b>	<b>-56%</b>
4	Bắc Sơn	Lạng Sơn	1365	108%	-11%	-43%
5	Đình Lập	Lạng Sơn	1225	22%	-18%	-58%
6	Hữu Lũng	Lạng Sơn	1213	41%	-10%	-53%
7	Lạng Sơn	Lạng Sơn	959	13%	-30%	-75%
8	Thất Khê	Lạng Sơn	1189	16%	-21%	-49%

Lượng mưa dự báo trên toàn vùng Cao Bằng, Lạng Sơn trong vụ Đông xuân đạt 80% so với tổng lượng mưa cùng kỳ trung bình nhiều năm. Toàn vùng dự báo hạn nhẹ.

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đối với vùng sản xuất nông nghiệp thuộc phạm vi các công trình thủy lợi: Nguồn nước phục vụ sản xuất vụ Đông xuân năm 2020- 2021 bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp. Đối với vùng sản xuất nông nghiệp nằm ngoài phạm vi công trình thủy lợi do lượng mưa vụ đông xuân trên toàn vùng đạt 90% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm nên một số nơi cục bộ ở Lạng Sơn có thể hạn nhẹ, nên dùng nước tiết kiệm.

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào 1/6/2021.**

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**